

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THÁI HÒA
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DS-ST

Ngày: 28/10/2021

“V/v tranh chấp

hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Diên.

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Bà Thái Thị Thanh Thúy.
2. Bà Vũ Thị Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Xuân Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm vụ dân sự thụ lý số 41/2020/TLST- DS ngày 10 tháng 12 năm 2020, về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 06/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-DS ngày 29 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị T, sinh năm 1965.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm A, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An (có mặt).

Ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1963.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu Q: Bà Bùi Thị T.

Theo giấy ủy quyền lập ngày 10/12/2020, số công chứng 6605, quyền số 7/2020/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Thái Hòa.

2. *Bị đơn:* Bà Quế Thị T, sinh năm 1975.

Trú tại: Xóm B, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Văn N, sinh năm 1987.

Nơi ĐKKHKT: Xóm C, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Khố T, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An (có mặt).

Theo Hợp đồng ủy quyền lập ngày 17/12/2020, số công chứng 745-Quyền số 01/TP/CC-SCC/GUQ/2020 tại Văn phòng công chứng Lang Văn Tiên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2020 cũng như trong quá trình giải quyết vụ

án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do quen biết với bà Quế Thị T nên vào ngày 05/8/2019, vợ chồng bà T có cho bà Quế Thị T vay số tiền 470.000.000 đồng (bốn trăm bảy mươi triệu đồng), mục đích vay để bà T làm ăn và cho con đi xuất khẩu lao động. Thời hạn vay một tháng và hai bên không thỏa thuận lãi suất. Quá trình bà T vay tiền của vợ chồng bà T thì bà T là người viết giấy vay tiền và trực tiếp ký tên. Để đảm bảo cho khoản vay trên, cùng ngày 05/8/2019 thì bà T đã đồng ý để bà T và con gái bà T là Nguyễn Thị Thùy L ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 4xx, tờ bản đồ số 01 tại xóm 9, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Tuy nhiên hết thời hạn vay bà T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng bà T mà hai bên đã thỏa thuận. Việc bà T và đại diện theo ủy quyền của bà T trình bày bà T đã nhiều lần trả nợ cho bà và ông Q cũng như gộp số tiền trên vào một giấy vay tiền khác là không có căn cứ. Nay bà T, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của ông Q vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải có nghĩa vụ thanh toán hợp đồng vay tài sản cho bà T với tổng số tiền nợ gốc là 470.000.000 đồng (bốn trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày bà Thom vi phạm nghĩa vụ thanh toán (06/9/2019) đến ngày xét xử là 10%/năm (0,83%/tháng), cụ thể: 470.000.000 đồng x 0,83%/tháng (10%/năm) x 25 tháng 22 ngày = 100.385.733 đồng.

Tổng tiền lãi, tiền gốc mà bà T đồng thời là đại diện theo ủy quyền của ông Q yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bà Quế Thị T phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà T, ông Q là 570.385.733 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 470.000.000 đồng, tiền nợ lãi 100.385.733 đồng.

Tại bản tự khai đề ngày 16/3/2021 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Bà Quế Thị T có vay của ông Q, bà T số tiền 470.000.000 đồng, nhưng khoản vay này có liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại xóm 7, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An và đã được Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa thụ lý vụ án số 25/2020/TBTL-DS ngày 03/6/2020 và đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa xem xét nhập hai vụ án để giải quyết. Tuy nhiên tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2021, của Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Vào ngày 05 tháng 8 năm 2019 bà T có vay của bà T, ông Q số tiền là 470.000.000đ (bốn trăm bảy mươi triệu đồng), số tiền này đã được bà T giao cho bà T. Mục đích bà T vay để cho con đi xuất khẩu lao động hẹn 01 tháng sau sẽ trả. Biện pháp bảo đảm khoản vay bằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (đã được công chứng) tại thửa đất số 45 tờ bản đồ số 01 tại xóm 9, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (Quyền sử dụng đất mang tên Trần Thị L) diện tích 50.149m² giữa bên chuyển nhượng là bà Trần Thị L và bên nhận chuyển nhượng là chị Nguyễn Thị Thùy L (con đẻ bà T, ông Q), việc chuyển nhượng này được sự đồng ý của bà T, bà T và bà L. Tuy nhiên việc bà T vay tiền của bà T mà hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lại là giữa bà L và chị L (con gái bà T) thì do các bên thỏa thuận nên ông không rõ. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên thì hai bên chưa làm thủ tục đăng ký biến động tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nay bà T yêu cầu bà T trả lại số tiền

nợ gốc là 470.000.000đ (bốn trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền nợ lãi theo lãi suất 0,83%/tháng (10% năm) tạm tính đến ngày 22/3/2021 thì bà T đồng ý trả cho bà T nên cùng ngày 22/3/2021 Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa đã lập Biên bản hòa giải thành ngày. Đến ngày 26/3/2021, ông Hồ Văn N là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn đề nghị về việc thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận với lý do: Sau khi Tòa án lập biên bản hòa giải thành thì ông N đã thông báo cho bà Quế Thị T về nội dung hòa giải thành nhưng bà T không đồng ý vì bà T nói đã nhiều lần thanh toán tiền lãi và tiền nợ gốc cho bà T, ông Q bằng hình thức giao tiền mặt, mỗi lần thanh toán thì bà T đều ghi vào sổ theo dõi thu nợ. Đồng thời đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa triệu tập ông Nguyễn Hữu Q để đối chất việc trả nợ giữa bà T và ông Q và đề nghị Tòa án trung cầu giám định chữ viết, chữ ký và tuổi mực trong giấy vay tiền ngày 05/8/2019 do bà T giao nộp cho Tòa án vì cho rằng giấy vay tiền đó là giả mạo bởi các bên đã hủy giấy vay tiền nêu trên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày hợp đồng vay tiền trên giữa bà T và bà T là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn. Tuy nhiên bà T đã nhiều lần trả nợ cho bà T và bà T đã trả hết số nợ trên cho bà T. Việc bà T trả nợ cho bà T thì bà T đã ghi vào sổ ghi nợ của bà T, hiện bà T đã giữ. Mặt khác ông Q (chồng bà T) không có quyền khởi kiện vụ án vì khi bà T vay tiền của bà T thì ông Q không có mặt tại đó nên ông Q ký vào đơn khởi kiện là không đúng vì ông Q không có quyền khởi kiện và hợp đồng vay tài sản giữa bà T và bà T là hợp đồng vay không kỳ hạn. Vì vậy đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý trả nợ gốc, lãi, theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 21/5/2021, bị đơn bà Quế Thị T trình bày:

Vào ngày 05 tháng 8 năm 2019 bà T đã vay của bà T, ông Q số tiền 470.000.000đ (bốn trăm bảy mươi triệu đồng), lúc vay có viết giấy vay nợ do bà T viết và ký, mục đích vay là để buôn bán và cho con đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, thời hạn vay 01 tháng, hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Lúc vay bà T có thể chấp quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 415, tờ bản đồ số 01 tại xóm 9, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thị L là cháu bà T. Cùng ngày, được sự đồng ý của bà T và bà T thì bà L và chị Nguyễn Thị Thùy L (con gái bà T) đã lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất nêu trên và đã được công chứng tại văn phòng công chứng. Tuy nhiên hết thời hạn vay bà không trả được số tiền trên như đã thỏa thuận với bà T. Sau đó bà T đã gộp số tiền 470.000.000 đồng này vào một giấy vay nợ khác mà bà đã vay của bà T trước đó với số tiền 300.000.000 đồng thành giấy vay nợ mới tổng số tiền là 770.000.000 đồng. Giấy vay tiền 770.000.000 đồng là bà viết, bà ký nhưng bà không nhớ, ngày năm cụ thể và hiện giấy vay tiền này đang do bà T giữ nên bà không có tài liệu, chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án. Mặc dù số tiền 470.000.000 đồng bà chưa trả cho bà T nhưng bà T đã yêu cầu gộp vào khoản nợ khác nên bà không đồng ý trả số tiền 470.000.000đ và tiền lãi kể từ

ngày bà vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho bà T. Mặt khác giấy vay nợ số tiền 470.000.000 đồng đề ngày 05 tháng 8 năm 2019 đúng là bà viết, bà ký tên nên bà T không yêu cầu Toà án giám định chữ ký và chữ viết trong giấy vay tiền như yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của bà đã đề nghị. Đồng thời bà T có đơn đề nghị không giám định chữ viết, chữ ký trong giấy vay tiền nêu trên. Do đó đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đầy đủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên tòa cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Quế Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán hợp đồng vay tài sản cho ông Nguyễn Hữu Q, bà Bùi Thị T số tiền nợ gốc và tiền nợ lãi theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bà Quế Thị T phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy của pháp luật. Trả lại cho ông Nguyễn Hữu Q, bà Bùi Thị T số tiền tạm ứng án phí mà ông Q, bà T đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 10/12/2020, bà Bùi Thị T, ông Nguyễn Hữu Q khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Quế Thị T, trú tại xóm A, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An thanh toán hợp đồng vay tài sản. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Tại phần tranh tụng tại phiên tòa thì đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị Tòa án hoãn phiên tòa để triệu tập người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đề nghị Tòa án triệu tập người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng. Mặt khác tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải thì đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt không có lý do. Xét đây là hợp đồng vay tài sản giữa bà T và bà T. Mặt khác bà T chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc, nợ lãi mà không yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay nên không liên quan đến những người tham gia tố tụng khác. Trên cơ sở ý kiến của những người tham gia tố tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm

sát, thấy việc yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của bị đơn là không có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về chủ thể:* Bà Bùi Thị T, ông Nguyễn Hữu Q và bà Quế Thị T là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Do đó các bên đều có quyền ký kết và thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc giao dịch mà mình đã ký.

[2.2] *Về hình thức và nội dung của giấy vay tiền:* Bà Bùi Thị T, ông Nguyễn Hữu Q cho bà Quế Thị T vay số tiền 470.000.000 đồng (bốn trăm bảy mươi triệu đồng), mục đích vay để làm ăn và cho con đi đi xuất khẩu lao động, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền và có chữ ký của người vay. Xét trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký và tuổi mực trong giấy vay tiền ngày 05/8/2019 do bà Thanh giao nộp cho Tòa án. Tuy nhiên tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất với ý kiến của bị đơn không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký và tuổi mực trong giấy vay tiền ngày 05/8/2019 nên Hội đồng xét xử miễn xét. Vì vậy hợp đồng giữa các bên đã ký kết là hợp pháp, có hiệu lực đối với hai bên và cần được pháp luật bảo vệ.

[2.3] *Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán:*

[2.3.1] *Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc:* Theo giấy vay tiền ngày 05/8/2019 thì bà Quế Thị T vay của ông Q, bà T số tiền 470.000.000 đồng (bốn trăm bảy mươi triệu đồng) thỏa thuận thời hạn vay là một tháng, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Để đảm bảo cho khoản vay trên, cùng ngày 05/8/2019 thì bà T đã đồng ý để bà T và con gái bà T là Nguyễn Thị Thùy L ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 415, tờ bản đồ số 01 tại xóm 9, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (hợp đồng đã được công chứng nhưng chưa đăng ký biến động tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền). Tuy nhiên hết thời hạn vay bà T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng bà T, ông Q như đã thỏa thuận.

Nay bà T, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Quế Thị T trả lại số tiền gốc mà bà T đã vay là 470.000.000đ (bốn trăm bảy mươi triệu đồng).

Ngày 22/3/2021, Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa đã tiến hành hòa giải thì các bên đã thỏa thuận được việc thanh toán hợp đồng vay tài sản, cụ thể bà T có nghĩa vụ thanh toán hợp đồng vay tài sản cho bà T, ông Q số tiền nợ gốc là 470.000.000 đồng và tiền lãi như bà T yêu cầu nhưng sau đó người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thay đổi ý kiến trình bày bà Thơm đã nhiều lần thanh toán tiền lãi và tiền nợ gốc cho bà T, ông Q bằng hình thức giao tiền mặt, mỗi lần thanh toán thì bà T đều ghi vào sổ theo dõi thu nợ nhưng đại diện theo ủy quyền của bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Đồng thời đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa triệu tập ông Nguyễn Hữu Q để đối chất việc trả nợ giữa bà T và ông Q. Tuy nhiên tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 21/5/2021, bị đơn bà Quế Thị T trình bày số tiền nợ gốc 470.000.000 bà T chưa trả cho bà T vì bà T đã gộp số tiền vào một giấy vay nợ khác mà bà đã vay của bà T trước đó thành giấy vay nợ mới, giấy này do bà Th viết và hiện bà T đang giữ nhưng bà T không có tài liệu chứng cứ giao nộp cho Tòa án. Do đó, đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề

ngợi đối chất với nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Q là không cần thiết.

Xét tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và ông Q không có quyền khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại giấy vay tiền đề ngày 05/8/2019 có ghi "...hẹn 1 tháng trả cho chị" và tại Biên bản lấy lời khai vào các ngày 17/3/2021 và ngày 06/4/2021 cũng như Biên bản hòa giải lập ngày 22/3/2021 ông N đều trình bày "... hẹn một tháng sau sẽ trả" (BL 22; 31; 40); tại bản tự khai, Biên bản lấy lời khai bị đơn bà Quế Thị T ngày 21/5/2021 bà T đều trình bày thời hạn vay một tháng (BL 51; 52). Việc đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày ông Q không có quyền khởi kiện thấy rằng: Tại giấy vay tiền ngày 05/8/2019 ghi "có vay của chị T, anh Q..." là thể hiện ý chí của bà T là vay số tiền trên của vợ chồng ông Q, bà T. Mặt khác số tiền 470.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng ông Q, bà T, phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, do đó ông Q có quyền khởi kiện vụ án và quá trình giải quyết vụ án thì ông Q đã ủy quyền bằng văn bản có công chứng tại văn phòng công chứng là hợp pháp. Đó đó đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và ông Q không có quyền khởi kiện nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án là không có căn cứ.

Xét lời khai của đại diện theo ủy quyền của bị đơn với lời khai của bị đơn về việc thanh toán hợp đồng vay tài sản cho bà T là mâu thuẫn, không thống nhất với nhau. Mặt khác bị đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Vì vậy có đủ căn cứ khẳng định bà Quế Thị T chưa thanh toán hợp đồng vay tài sản cho bà T, ông Q. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Quế Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán hợp đồng vay tài sản cho ông Nguyễn Hữu Q, bà Bùi Thị T số tiền nợ gốc là 470.000.000 đồng (bốn trăm bảy mươi triệu đồng) theo giấy vay tiền đề ngày 05 tháng 8 năm 2019 như nguyên đơn yêu cầu theo quy định tại các Điều 463; 466 - BLDS năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3.2] *Về yêu cầu lãi suất*: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà T đồng thời đại diện theo ủy quyền của ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi kể từ ngày bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (06/9/2019) đến ngày xét xử sơ thẩm là 10%/năm (0,83%/tháng), cụ thể: Tiền nợ lãi tính từ ngày 06 tháng 9 năm 2019 đến ngày 28 tháng 10 năm 2021 (ngày xét xử sơ thẩm) là $470.000.000đ \times 0,83\% \text{ tháng} \times 25 \text{ tháng} = 100.385.733 \text{ đồng}$. Tuy nhiên bị đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ vì đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại giấy vay tiền ngày 05/8/2019, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên hết thời hạn vay bà T không thanh toán tiền nợ gốc cho bà T, ông Q như đã thỏa thuận. Do đó bà T, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải có nghĩa vụ trả lãi 10%/năm (0,83%/tháng) tính từ ngày bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (06/9/2019) đến ngày xét xử sơ thẩm (28/10/2021) là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 4 Điều 466; Điều 357; khoản 2 Điều 468 - Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội

đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên cần chấp nhận yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn. Do đó buộc bị đơn bà Quế Thị T phải có nghĩa vụ trả lãi trên nợ gốc chưa thanh toán cho bà T, ông Q tính từ ngày bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (06/9/2019) đến ngày xét xử sơ thẩm là 10%/năm (0,83%/tháng), cụ thể: Tiền nợ lãi tính từ ngày 06 tháng 9 năm 2019 đến ngày 28 tháng 10 năm 2021 (ngày xét xử sơ thẩm) là $470.000.000đ \times 0,83\% \text{ tháng} \times 25 \text{ tháng} = 100.385.733 \text{ đồng}$.

Như vậy buộc bà Quế Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán hợp đồng vay tài sản cho ông Nguyễn Hữu Q, bà Bùi Thị T tổng cả gốc và lãi là 570.385.733 đồng (năm trăm bảy mươi triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn, bảy trăm ba mươi ba đồng) là đúng quy định tại các Điều 463; 466; 468 và Điều 357 của BLDS - 2015.

[3] Án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí toàn bộ án phí theo luật định. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 463; 466; 468 và Điều 357 - BLDS năm 2015; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Q, bà Bùi Thị T.

Buộc bị đơn bà Quế Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán hợp đồng vay tài sản cho ông Nguyễn Hữu Q, bà Bùi Thị T với tổng số tiền là 570.385.733 đồng (năm trăm bảy mươi triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn, bảy trăm ba mươi ba đồng), trong đó tiền nợ gốc là 470.000.000 đồng (bốn trăm bảy mươi triệu đồng), tiền lãi 100.385.733 đồng (một trăm triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn, bảy trăm ba mươi ba đồng) theo giấy vay tiền ngày 05/8/2019.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án với mức lãi suất là 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí: Buộc bà Quế Thị T phải chịu 26.815.429 đồng (hai mươi sáu triệu, tám trăm mười lăm nghìn, bốn trăm hai mươi chín đồng) án phí DSST.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu Q, bà Bùi Thị T số tiền tạm ứng án phí 12.575.000 đồng (mười hai triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai

thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001242 ngày 10/12/2020, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Văn Diên